

Số: 29 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 39/TTr-LĐTBXH ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Tờ trình số 73/TTr-LĐTBXH ngày 19 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Vùng I (gồm thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Vĩnh Cửu và thành phố Long Khánh): Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) là 1,0;

2. Vùng II (gồm huyện Xuân Lộc, huyện Thống Nhất và huyện Định Quán): Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) là 0,83;

3. Vùng III (gồm huyện Tân Phú và huyện Cẩm Mỹ): Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) là 0,7.

Điều 2. Nguyên tắc và phương pháp xác định

1. Sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí nhà nước do doanh nghiệp thực hiện phát sinh trên địa bàn vùng nào thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) của vùng đó.

2. Phương pháp xác định chi phí tiền lương đối với người lao động, người quản lý và chi phí trong các trường hợp đặc thù, chi phí khác trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.

Mức lương cơ sở do Chính phủ quy định từng thời kỳ (từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng được quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang).

Điều 3. Điều kiện để các sản phẩm, dịch vụ công ích được áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này là sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công phải có định mức lao động hoặc định biên lao động do cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc ban hành theo quy định.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Tram.KT (30b)



Võ Tấn Đức